

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 2128/QĐ-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2262/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (có **Phụ lục kèm theo**).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có giải pháp cụ thể, đẩy mạnh công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền để khuyến khích, thúc đẩy và vận động người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và thông báo tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho cá nhân, tổ chức không muộn hơn tám giờ (08 giờ) làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận; chủ động hẹn, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn tối đa so với quy định để giảm thời gian chờ đợi kết quả cho người dân, doanh nghiệp.

c) Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia trong việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết dịch vụ công trực tuyến đúng tiến độ, chất lượng; thực hiện giảm phí, lệ phí đối với hồ sơ nộp trực tuyến theo quy định; đồng thời, rà soát, đề xuất bổ sung danh mục thủ tục hành chính được giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện thanh toán trực tuyến các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định.

d) Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tích hợp, kiểm thử danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần được công bố tại Quyết định này để đồng bộ, thống nhất và đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tiếp tục thực hiện việc rà soát, lựa chọn và kiểm thử các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan để điều chỉnh, bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện cấu trúc lại quy trình thủ tục hành chính để thay đổi quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo hướng đơn giản, cắt giảm các bước thực hiện, các thông tin cần khai báo, cung cấp khi người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan liên quan thực hiện đồng bộ, cập nhật công khai, cấu hình quy trình điện tử, biểu mẫu điện tử, chữ ký điện tử và các giải pháp kỹ thuật liên quan để triển khai hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần được công bố tại Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về sử dụng dịch vụ công trực tuyến; truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp cơ quan liên quan đôn đốc, hướng dẫn việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn các cơ

quan, đơn vị thực hiện kiểm thử các thủ tục hành chính để bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần khi có sự thay đổi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Tài Nguyên và Môi trường; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi công bố tại Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 và Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, NNTN;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC.VĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục
DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, MỘT PHẦN
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
	TỔNG (A) + (B)		124	87	101
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		111	74	89
I.	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		02	0	0
1.	1.008675.000.00.00.H48	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	X		
2.	1.008682.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	X		
II.	Lĩnh vực Môi trường		02	04	04
3.	1.010728.000.00.00.H48	Cấp đổi giấy phép môi trường	X		
4.	1.010729.000.00.00.H48	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	X		
5.	1.010727.000.00.00.H48	Cấp giấy phép môi trường		X	X
6.	1.010733.000.00.00.H48	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường		X	X
7.	1.010730.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép môi trường		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
8.	1.010735.000.00.00.H48	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)		X	X
III.	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn		03	0	0
9.	1.000987.000.00.00.H48	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	X		
10.	1.000970.000.00.00.H48	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	X		
11.	1.000943.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	X		
IV.	Lĩnh vực Tài nguyên nước		20	03	08
12.	1.012500.H48	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	X		
13.	1.012501.H48	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	X		
14.	1.012503.H48	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	X		
15.	1.012504.H48	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
16.	1.012505.H48	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	X		
17.	1.004253.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	X		
18.	1.009669.000.00.00.H48	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	X		
19.	2.001770.000.00.00.H48	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	X		
20.	1.004283.000.00.00.H48	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	X		
21.	1.011518.000.00.00.H48	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	X		
22.	1.000824.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	X		
23.	1.012502.H48	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	X		
24.	1.011516.000.00.00.H48	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	X		
25.	2.001738.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	X		X
26.	1.004232.000.00.00.H48	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	X		X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
27.	1.004167.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	X		X
28.	1.004211.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	X		X
29.	1.004228.000.00.00.H48	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	X		X
30.	2.001850.000.00.00.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện		X	
31.	1.004179.000.00.00.H48	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)		X	X
32.	1.004223.000.00.00.H48	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	X		X
33.	1.004122.000.00.00.H48	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	X		X
34.	1.013799.H48	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước		X	
V.	Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ		02	01	0

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
35.	1.011671.000.00.00.H48	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	X		
36.	1.000049.000.00.00.H48	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	X		
37.	1.000082.000.00.00.H48	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cấp Trung ương		X	
VI.	Lĩnh vực Đất đai		03	28	31
38.	1.012789.H48	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	X		X
39.	1.012756.H48	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	X		X
40.	1.012786.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	X		X
41.	1.012766.H48	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng		X	X
42.	1.012793.H48	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp		X	X
43.	1.012781.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
44.	1.012782.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		X	X
45.	1.012783.H48	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		X	X
46.	1.012784.H48	Tách thửa hoặc hợp thửa đất		X	X
47.	1.012790.H48	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp		X	X
48.	1.012791.H48	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi		X	X
49.	1.012785.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định		X	X
50.	1.012787.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
51.	1.012821.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất		X	X
52.	1.013823.H48	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất		X	X
53.	1.013825.H48	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất		X	X
54.	1.013826.H48	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư		X	X
55.	1.013827.H48	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
56.	1.013945.H48	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư		X	X
57.	1.013828.H48	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển		X	X
58.	1.013831.H48	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm		X	X
59.	1.013833.H48	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
60.	1.013995.H48	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký		X	X
61.	1.013977.H48	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
62.	1.013980.H48	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài		X	X
63.	1.013988.H48	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
64.	1.013992.H48	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền		X	X
65.	1.013993.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014		X	X
66.	1.013994.H48	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất		X	X
67.	1.013946.H48	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích		X	X
68.	1.013947.H48	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp		X	X
VII.	Lĩnh vực Biển và hải đảo		01	10	10
69.	1.005181.000.00.00.H48	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	X		X
70.	1.005189.000.00.00.H48	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển		X	X
71.	2.000472.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển		X	X
72.	1.000969.000.00.00.H48	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển		X	X
73.	2.000444.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép nhận chìm		X	X
74.	1.000942.000.00.00.H48	Trả lại giấy phép nhận chìm		X	X
75.	1.005401.000.00.00.H48	Giao khu vực biển		X	X
76.	1.004935.000.00.00.H48	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
77.	1.005400.000.00.00.H48	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển		X	X
78.	1.009481.000.00.00.H48	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh		X	X
79.	1.005399.000.00.00.H48	Trả lại khu vực biển		X	
VIII.	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật		06	0	05
80.	1.004493.000.00.00.H48	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	X		X
81.	1.007933.000.00.00.H48	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	X		
82.	1.004363.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X		X
83.	1.004346.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X		X
84.	1.007931.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	X		X
85.	1.007932.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	X		X
IX.	Lĩnh vực Trồng trọt		08	0	0
86.	1.012075.H48	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
87.	1.012074.H48	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	X		
88.	1.012004.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	X		
89.	1.012003.H48	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	X		
90.	1.012000.H48	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	X		
91.	1.011999.H48	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	X		
92.	1.012001.H48	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	X		
93.	1.012002.H48	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	X		
X.	Lĩnh vực Thú y		05	04	09
94.	1.004022.000.00.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	X		X
95.	1.004839.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	X		X
96.	1.004022.000.00.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	X		X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
97.	1.011479.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	X		X
98.	1.011477.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	X		X
99.	2.001064.000.00.00.H48	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		X	X
100.	1.002338.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh		X	X
101.	1.005319.000.00.00.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh		X	X
102.	1.001686.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y		X	X
XI.	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ		02	0	01

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
103.	1.009478.000.00.00.H48	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	X		X
104.	1.011647.H48	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	X		
XII.	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm		08	01	0
105.	1.012691.H48	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	X		
106.	1.012689.H48	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	X		
107.	3.000152.000.00.00.H48	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	X		
108.	1.012413.H48	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	X		
109.	3.000160.000.00.00.H48	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	X		
110.	3.000159.000.00.00.H48	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	X		
111.	1.000045.H48	Xác nhận bảng kê lâm sản	X		
112.	1.000047.000.00.00.H48	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	X		
113.	3.000198.000.00.00.H48	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp		X	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
XIII.	Lĩnh vực Nông nghiệp		01	0	0
114.	1.003618.000.00.00.H48	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	X		
XIV.	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản		01	01	01
115.	2.001838.000.00.00.H48	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	X		
116.	2.001827.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản		X	X
XV.	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn		01	0	0
117.	1.003524.000.00.00.H48	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	X		
XVI.	Lĩnh vực Thủy lợi		19	0	0
118.	2.001795.000.00.00.H48	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
119.	2.001793.000.00.00.H48	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
120.	1.004385.000.00.00.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
121.	1.003921.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
122.	1.003893.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
123.	2.001401.000.00.00.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
124.	1.003867.000.00.00.H48	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	X		
125.	2.001804.000.00.00.H48	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
126.	1.004427.000.00.00.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
127.	2.001791.000.00.00.H48	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
128.	2.001426.000.00.00.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
129.	1.003870.000.00.00.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
130.	2.001796.000.00.00.H48	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
131.	1.003880.000.00.00.H48	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
132.	1.003232.000.00.00.H48	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	X		
133.	1.003211.000.00.00.H48	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
134.	1.003203.000.00.00.H48	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
135.	1.003188.000.00.00.H48	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	X		
136.	1.003221.000.00.00.H48	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	X		
XVII.	Lĩnh vực Thủy sản		19	02	03

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
137.	1.004692.000.00.00.H48	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	X		
138.	1.004344.000.00.00.H48	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	X		
139.	1.003586.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	X		
140.	1.004359.000.00.00.H48	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	X		X
141.	1.004694.000.00.00.H48	Công bố mở cảng cá loại 2	X		
142.	1.004697.000.00.00.H48	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	X		
143.	1.004656.000.00.00.H48	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	X		
144.	1.004680.000.00.00.H48	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	X		
145.	1.004913.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	X		
146.	1.004921.000.00.00.H48	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
147.	1.004923.000.00.00.H48	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	X		
148.	1.003634.000.00.00.H48	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	X		
149.	1.003650.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	X		
150.	1.003681.000.00.00.H48	Xóa đăng ký tàu cá	X		
151.	1.003666.000.00.00.H48	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	X		
152.	1.004056.000.00.00.H48	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	X		
153.	1.004684.000.00.00.H48	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	X		
154.	1.004915.000.00.00.H48	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)		X	X
155.	1.004918.000.00.00.H48	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)		X	
156.	1.003563.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	X		X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
157.	1.003593.000.00.00.H48	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	X		
XVIII.	Lĩnh vực Tổng hợp		01	0	01
158.	1.004237.000.00.00.H48	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	X		X
XIX	Lĩnh vực Giao thông vận tải		0	03	0
159.	2.002615.H48	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa		X	
160.	2.002616.H48	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép		X	
161.	2.002617.H48	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng		X	
XX.	Lĩnh vực Chăn nuôi		02	0	02
162.	1.008129.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	X		X
163.	1.008127.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	X		X
XXI.	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản		0	17	09
164.	1.000778.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản		X	X
165.	1.004481.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
166.	2.001814.000.00.00.H48	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản		X	X
167.	1.005408.000.00.00.H48	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản		X	
168.	2.001787.000.00.00.H48	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản		X	X
169.	1.004083.H48	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản		X	
170.	1.004446.000.00.00.H48	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình		X	X
171.	1.004434.H48	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản		X	
172.	1.004433.H48	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt		X	
173.	2.001783.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản		X	X
174.	1.004345.000.00.00.H48	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản		X	X
175.	1.004135.000.00.00.H48	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản		X	
176.	1.004367.000.00.00.H48	Đóng cửa mỏ khoáng sản		X	
177.	2.001781.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	X
178.	1.004343.000.00.00.H48	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
179.	2.001777.000.00.00.H48	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản		X	
180.	1.004132.H48	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch		X	
XXII.	Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm		05	0	05
181.	1.011441.000.00.00.H48	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X
182.	1.011442.000.00.00.H48	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X
183.	1.011443.000.00.00.H48	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X
184.	1.011444.000.00.00.H48	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	X		X
185.	1.011445.000.00.00.H48	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	X		X
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		13	13	12
I.	Lĩnh vực Tài nguyên nước		01	0	0

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
1.	1.001662.000.00.00.H48	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	X		
II.	Lĩnh vực Thủy lợi		03	0	0
2.	2.001627.H48	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	X		
3.	1.003471.H48	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	X		
4.	1.003347.H48	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	X		
III.	Lĩnh vực Thủy sản		01	0	0
5.	1.004478.H48	Công bố mở cảng cá loại III	X		
IV.	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		01	0	0
6.	1.004082.000.00.00.H48	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	X		
V.	Lĩnh vực Môi trường		01	0	0
7.	1.010736.000.00.00.H48	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	X		
VI.	Lĩnh vực Trồng trọt		01	0	0
8.	1.008004.H48	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	X		

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
VII.	Lĩnh vực Nông nghiệp		01	0	0
9.	1.003596.H48	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	X		
VIII.	Lĩnh vực Quản lý đô thị và phòng, chống thiên tai		02	0	0
10.	1.010091.H48	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	X		
11.	1.010092.H48	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	X		
IX.	Lĩnh vực Thủy lợi		02	0	0
12.	2.001621.H48	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	X		
13.	1.003440.H48	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	X		
X.	Lĩnh vực Đất đai		0	12	12

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
14.	1.012817.H48	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004		X	X
15.	1.012796.H48	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót		X	X
16.	1.012791.H48	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi		X	X
17.	1.012753.H48	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất		X	X
18.	1.013949.H48	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất		X	X
19.	1.013950.H48	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
20.	1.013952.H48	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư		X	X
21.	1.013953.H48	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
22.	1.013962.H48	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở		X	X
23.	1.013978.H48	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài		X	X

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ Dịch vụ công trực tuyến		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
24.	1.013979.H48	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		X	X
25.	1.013965.H48	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.		X	X
XI.	Lĩnh vực Thú y		0	01	0
26.	1.013997.H48	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)		X	

